Vikki Digital Bank Securities

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Thứ Sáu, 18 Tháng Chín 2026

KHỐI NGOẠI MUA RÒNG MẠNH MẼ - THANH KHOẢN BÙNG NỔ

Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên giao dịch ngày 18/9, VN-Index đánh mất đà tăng trong phiên sáng, quay đầu giảm 7,11 điểm (-0,39%) và đóng cửa ở mức 1.815,66 điểm do lực chốt lời ngắn hạn ở một số mã vốn hóa lớn. Phe mua vẫn chiếm ưu thế trên toàn thị trường khi số lượng mã cổ phiếu tăng là 440 mã so với 312 mã giảm. Công nghiệp (+0,39%) và Nguyên vật liệu (+0,37%) đóng góp tích cực cho thị trường nhờ đà tăng của các mã đầu ngành như ACV (+1,02%), VJC (+1,74%) và sự thu hút dòng tiền nước ngoài của HPG (+1,65%). Hiệu suất ngành Công nghệ thông tin (-3,26%) giảm sâu nhất do áp lực bán cổ phiếu FPT (-3,5%). Tài chính (-0,58%) vận động cùng xu hướng chung của thị trường và có sự phân hóa khi nhóm Chứng khoán giữ được sắc xanh, đối ứng với áp lực chốt lời ngắn hạn ở nhóm Ngân hàng, tiêu biểu là các mã BID (-2,59%), CTG (-3,66%), TCB (-3,22%), VPB (-2,66%).

Điểm sáng nổi bật là sự bùng nổ của thanh khoản toàn thị trường khi đạt 25.926 tỷ đồng, tăng 44,24% so với phiên hôm qua, phản ánh sự tích cực của lực cầu nội, sẵn sàng giải ngân hấp thụ lượng cung chốt lời ở vùng giá cao. Khối ngoại đảo chiều mua ròng quyết liệt với tổng giá trị mua ròng đạt 1.217,32 tỷ đồng, tập trung mua mạnh ở các mã như HPG (251 tỷ đồng), PNJ (247 tỷ đồng), SHB (221 tỷ đồng). Điều này cho thấy dòng vốn quốc tế đang đón đầu cơ hội thu hút hàng tỷ USD khi thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức nâng hạng. Trái lại, các mã được bán ra mạnh nhất là VIC (320 tỷ đồng), TCB (199 tỷ đồng), CTG (163 tỷ đồng).

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu thuộc nhóm ngành dẫn dắt, duy trì tỷ trọng tài khoản an toàn và tránh tâm lý mua đuổi ở các vùng giá quá cao.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, CTG, DHC, SSI, VPB, GMD, MBB, BMP.

Dữ liệu thị trường ngày 18/09/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.815,66	275,29
Thay đổi (điểm)	-7,11	1,39
Thay đổi (%)	-0,39	0,51
KLGD (triệu cp)	881	43
GTGD (tỷ đồng)	25.926	584
NĐT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	1.254,93	*(tỷ đồng)*
HNX	-42,97	*(tỷ đồng)*
UPCOM	5,36	*(tỷ đồng)*

VN-Index

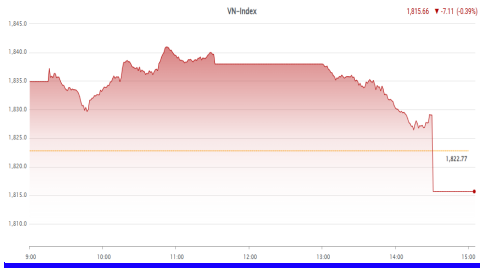

Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

STB, HPG, VCB, VCK,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

CTG, VPL, TCB, BID,...

Danh sách khuyến nghị tháng 09.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	80.500	70.200
CTG	34.200	30.000
DHC	39.500	34.100
SSI	23.000	20.100
VPB	30.200	26.700
GMD	85.000	74.500
MBB	22.500	19.700
BMP	156.000	138.000

Danh sách công bố ngày 04/09/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THÁNG 06.2026:

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
VPL	18/08/2026	~75.200	~80.000-84.000	<68.000			+14,23%	Nắm giữ
NT2	22/07/2026	~21.500	~22.500-24.000	<20.500	20.500	03/09/2026	-4,65%	Cắt lỗ
GMD	03/07/2026	~74.000	~82.000-87.000	<68.000	82.000	10/08/2026	+10,81%	Chốt lãi
NLG	17/6/2026	~27.600	~32.000-35.000	<24.500	23.700	20/07/2026	-14,13%	Cắt lỗ
DXG	16/6/2026	~13.150	~15.000-16.000	<11.000	11.350	20/07/2026	-13,69%	Cắt lỗ
GEX	12/6/2026	~30.500	~36.000-45.000	<27.000	26.000	13/07/2026	-14,75%	Cắt lỗ
SAB(*)	11/6/2026	~45.750	~49.000-54.000	<42.000	45.000	03/09/2026	-1,64%	Cắt lỗ
VCK	9/6/2026	~33.500	~35.000-38.000	<31.5000	31.250	17/07/2026	-6,72%	Cắt lỗ
VJC(**)	5/6/2026	~133,850	~142.310-169.230	<111.540			-6,61%	Nắm giữ
MWG	4/6/2026	~75.000-78.500	~85.000-95.000	<74.000	70.600	22/07/2026	-9,72%	Cắt lỗ

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.

(*): Chỉ báo MACD cho tín hiệu mua vào ngày 10/06/2026 (Giá mua dùng để tính toán của MWG lấy tại mức giá đóng cửa là 78.200 tại ngày 10/06/2026).

(**): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin VJC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:30.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 09.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- Mảng ĐMX, Doanh thu 7T tăng trưởng 29% YoY (6T2026: +31% yoy), tốc độ tăng trưởng chậm lại sau nền cao nửa đầu năm, áp lực từ giá sản phẩm công nghệ cao và môi trường lãi suất cao hơn có thể hạn chế doanh thu từ bán hàng trả góp (7T: +47% YoY), tuy nhiên được bù đắp phần nào từ tăng trưởng từ Erablue, Thợ ĐMX. Mảng BHX: doanh thu 7T tăng 28% YoY và tính đến cuối tháng 8 đã mở được 1000 cửa hàng, đạt kế hoạch năm. An Khang hướng đến lợi nhuận dương 2026.	04/09/2026	73.100	80.500	70.200	10,1%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng cuối T7 đạt 5,6% YTD. Tín dụng có chọn lọc, tập trung các lĩnh vực sản xuất, bán lẻ, bán buôn, hộ gia đình, tỷ trọng bđs giảm còn 19,2% so với 20% vào đầu năm. Định giá hấp dẫn với ROE >20% và P/B fw 1,2 lần.	04/09/2026	31.400	34.200	30.000	8,9%
DHC	- KQKD Q2, doanh thu tăng 8% QoQ và 19% YoY, LNST tăng 29% QoQ và 114% YoY. KQKD tích cực nhờ (1) giấy carton công nghiệp với giá bán tăng 16%, và sản lượng 78,5 nghìn tấn, đạt công suất tối đa; (2) giấy bao bì với giá bán tăng 10% và sản lượng tăng 16%, đạt 29 triệu sản phẩm. Nhà máy giấy bao bì và giấy công nghiệp đều đã đạt 100% công suất.	04/09/2026	35.700	39.500	34.100	10,6%
SSI	- KQKD 6T2026, doanh thu 6,5 nghìn tỷ đồng (+26% YoY) và LNTT 3,1 nghìn tỷ đồng (+39% YoY). Động lực chính đến từ đầu tư FVTPL, với lợi suất 8%, nhờ danh mục thiên về tài sản thu nhập cố định. Doanh thu margin tăng 47%, dư nợ đạt 40,5 nghìn tỷ đồng, biên lãi chịu áp lực do chi phí vốn tăng. Doanh thu môi giới tăng 35% nhờ thị phần cải thiện lên 10,6%.	04/09/2026	21.050	23.000	20.100	9,3%
VPB	- Ngày 30/07, HĐQT đã thông qua phương án tăng vốn, các mốc kế tiếp là NHNN và UBCK chấp thuận, kỳ vọng VPB thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu vào cuối T9-T10 2026 và thông tin về phát hành riêng lẻ cuối Q4-đầu Q1. 2027. Chất lượng tài sản cải thiện trong Q2, nợ xấu Q2 còn 3,28% so với 3,58% Q1, tỷ lệ bao nợ xấu tăng lên 56,2% so với 52,7% Q1.	04/09/2026	27.800	30.200	26.700	8,6%
GMD	- KQKD Q2, Doanh thu tăng 18% YoY và LNST tăng 168% YoY. Trong đó, LNST cốt lõi đạt 646 tỷ đồng, +55% YoY và thu nhập bất thường 487 tỷ đồng từ thoái vốn CJ Gemadept. Doanh thu Cảng Q2 1.468 tỷ đồng (+14% QoQ, +12% YoY). Doanh thu logistics Q2 294 tỷ (+73% QoQ, +59% YoY). Sản lượng Gemalink Q2 tăng 10% QoQ và 26% YoY, đạt 577.000 Teus.	04/09/2026	77.400	85.000	74.500	9,8%
MBB	- KQKD Q2, LNTT đạt 10,6 nghìn tỷ (+40% YoY).Tăng trưởng tín dụng 13,2%, tổng huy động +8% YTD (bao gồm giấy tờ có giá). NIM cải thiện (+0,35% so với quý 1), nợ xấu 1,45% so với 1,48% Q1, bao phủ nợ xấu 93,6% so với 95% Q1.	04/09/2026	20.550	22.500	19.700	9,5%
BMP	- KQKD Q2, Doanh thu −9% QoQ và +1% YoY. LNST +21% QoQ và +11% YoY, nhờ giá bán ống PVC tăng 15% từ tháng 4. Sản lượng Q2 giảm do giảm chiết khấu và khách hàng trì hoãn mua. BMP đã tích lũy lượng lớn tồn kho khi giá PVC giảm.	04/09/2026	143.000	156.000	138.000	9,1%

***Danh mục T09.2026 so với T08.2026*, chúng tôi loại POW, trong khi thêm mới DHC và giữ nguyên MWG, CTG, MBB, VPB, SSI, GMD, BMP.** *Thị trường chứng khoán tháng 8 ghi nhận sự hồi phục kể từ cuối tháng 8, khi FTSE công bố danh sách FTSE GEIS và tỷ trọng cổ phiếu VN trong danh mục FTSE Emerging All Cap từ 0,33% lên mức 0,49%, điều này đã góp phần thúc đẩy khối ngoại mua ròng trở lại, với 6/8 phiên mua ròng kể từ 21/8-4/9. Đối với danh mục tháng 9, chúng tôi loại POW do nhận thấy động lượng giá cổ phiếu trong ngắn hạn của POW có lẽ cần tích lũy thêm, trong khi về triển vọng trung dài hạn khả quan, các nhà máy nhiệt điện than, NT2 được huy động ở mức cao và đóng góp mới từ nhà máy NT3&4, ước tính tiêu thụ điện cả nước tăng trưởng 12% YoY trong tháng 7 và 8, so với nền tăng trưởng 8T khoảng 10%. Thêm mới DHC, tăng trưởng tích cực KQKD nhờ giá giấy carton tăng, công suất nhà máy giấy công nghiệp vận hành tối đa từ 2020 (320 nghìn tấn/năm), trong khi nhà máy giấy bao bì đạt 100% công suất từ Q2.2026 (120tr sản phẩm/năm), giá giấy phế liệu OCC đầu vào có khả năng tăng nhẹ trong Q3+Q4 và làm thu hẹp biên lợi nhuận, nhưng kỳ vọng được bù đắp bởi nhiều nhà máy Trung Quốc bảo trì, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu của TQ tăng và nguồn cung trong nước của VN giảm từ đó thúc đẩy giá thành phẩm, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy tháng 8 của VN tăng 20,4% yoy (8T: +16,4%). Nhóm ngân hàng, các cổ phiếu vẫn là CTG, MBB, VPB. Với CTG, tăng trưởng tín dụng chọn lọc, ROE trên 20%, khả năng kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ, và định giá hấp dẫn nhất trong nhóm quốc doanh CTG, BID, VCB. Với MBB, ngân hàng đầu tiên tăng vốn thành công, ước tính vốn điều lệ đạt 100k tỷ khi đợt mua phát hành thêm kết thúc vào 7/9, tỷ lệ CASA thuộc top đầu ngành và hoạt động cho vay đa dạng ở nhiều lĩnh vực. Với VPB, kỳ vọng tháng 10 hoàn tất tăng vốn thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu, tăng trưởng tín dụng 25% trong khi vẫn kiểm soát chất lượng tài sản tốt dù bối cảnh lãi suất cao, chúng tôi cho rằng khi nền kinh tế tăng trưởng vững vàng và môi trường lãi suất hạ nhiệt thì VPB là ngân hàng có sức bật tốt nhất trong nhóm ngân hàng top đầu. Đối với MWG, mảng ĐMX tăng trưởng chậm lại trong nửa cuối 2026 do mức nền cao trước đó, tuy nhiên các mảng bao gồm Erablue, Thợ Điện máy xanh, doanh thu trả góp, và tăng trưởng tự nhiên về nhu cầu nâng cấp thiết bị kỳ vọng giúp DMX tăng trưởng vững ở một nền thấp hơn so với 2026, trong khi BHX cho thấy đóng góp nhiều hơn vào lợi nhuận từ 2027. Hoạt động xuất nhập khẩu cả nước tăng tốc tháng 7 và 8, với tháng 8 tổng kim ngạch tăng 31,7% yoy, và kỳ vọng GMD thêm 2-3 tuyến dịch vụ trong nửa sau 2026 giúp GMD tiếp tục là lựa chọn trong danh mục. Về chiến lược, tương tự như đề cập ở Danh mục tháng 8 chúng tôi cho rằng Vnindex tiếp tục xây nền với biên độ giao dịch khá rộng do những yếu tố như môi trường lãi suất cao, cuộc họp FED 17/9, Mỹ công bố CPI 14/9, và nâng hạng chứng khoán VN ngày 21/9. Lời kết, chúng tôi nhấn mạnh sự kiện ngày 3/11 Mỹ có cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, thống kê S&P500 từ năm 1970 đến nay, thị trường chứng khoán Mỹ thường biến động mạnh trong khoảng 4 tháng trước bầu cử, và dù kết quả bầu cử thế nào thì chỉ số này cũng tăng với mức bình quân 10-16% trong 4 tháng sau bầu cử, khi giới đầu tư kỳ vọng cán cân chính trị & kinh tế của Mỹ cân bằng hơn.*

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

Tính đến 15/9/2026, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam vượt 825 tỷ USD, tăng 29,4% so với cùng kỳ. Xuất khẩu đạt hơn 400 tỷ USD (+23,2%), trong khi nhập khẩu đạt 424,35 tỷ USD (+36%), khiến nhập siêu lên hơn 23,5 tỷ USD. Khu vực FDI tiếp tục đóng vai trò chủ lực với tổng kim ngạch 634 tỷ USD và xuất siêu 8,74 tỷ USD. Điện tử, máy tính và linh kiện dẫn đầu cả xuất khẩu (110,66 tỷ USD) và nhập khẩu (174,92 tỷ USD), bên cạnh máy móc, điện thoại, dệt may và nông sản. Xu hướng cho thấy thương mại tiếp tục mở rộng mạnh, với động lực chính từ công nghiệp chế biến, chế tạo và chuỗi cung ứng toàn cầu. Cục Thống kê kỳ vọng tổng kim ngạch năm 2026 có thể vượt 1.200 tỷ USD. Đáng lưu ý, trong nửa đầu tháng 9, cán cân thương mại ghi nhận thâm hụt 2,82 tỷ USD, cao hơn so với nửa đầu tháng 8 khi đạt được thâm hụt 1,5 tỷ USD. Thông thường cuối tháng xuất khẩu được đẩy mạnh hơn nhập khẩu, nhưng với việc giá trị thâm hụt nới rộng trong nửa đầu tháng 9 cao hơn so với nửa đầu tháng 8, điều này có thể kéo theo cả tháng 9 thâm hụt cao hơn tháng 8.

Thị trường vận tải dầu đang tăng nóng trở lại trong tháng 9/2026, chủ yếu do xung đột Trung Đông và gián đoạn tuyến qua Hormuz làm giảm nguồn cung tàu khả dụng và kéo dài quãng đường vận chuyển. Theo Reuters, cước VLCC tuyến Gulf of Oman–Trung Quốc đã lên khoảng WS450, tương đương khoảng 11,5 USD/thùng, mức cao kỷ lục của chỉ số này. Đến 11/9, Lloyd's List ghi nhận VLCC MEG–China đạt khoảng 982.000 USD/ngày, gấp đôi một tháng trước; West Africa–China khoảng 411.000 USD/ngày, tăng 280% so với tháng trước. Đến 16/9, cước VLCC Arabian Gulf–Mediterranean đạt 113 USD/tấn, tăng 64% chỉ trong nửa đầu tháng. Thị trường tàu sản phẩm cũng tăng mạnh, với LR2 MEG–Japan đạt khoảng 232.000 USD/ngày.

Tính đến 18/9/2026, xu hướng chính sách tiền tệ toàn cầu đang chuyển sang thắt chặt trở lại do áp lực lạm phát từ giá năng lượng. Fed vừa tăng 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất lên 3,75–4,00%, lần tăng đầu tiên kể từ 2023. ECB cũng tăng 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất tiền gửi lên 2,50%, trong bối cảnh dự báo lạm phát 2026 ở 3%. BoJ ngày 18/9 tăng lãi suất từ 1,00% lên 1,25%, cao nhất 31 năm, tiếp tục quá trình bình thường hóa chính sách. Ngược lại, BoE giữ 3,75%, cho thấy mức độ thận trọng hơn trước rủi ro tăng trưởng. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất quốc tế đang chịu áp lực tăng trở lại.

Tính đến 28/8/2026, dư nợ tín dụng SME đạt trên 4,1 triệu tỷ đồng, tăng 12,4% so với cuối 2025, cao hơn mức tăng tín dụng chung 10,24%, chiếm khoảng 20% tổng dư nợ nền kinh tế. Có hơn 100 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ SME. Sau hơn một tháng triển khai chương trình ưu đãi, số ngân hàng tham gia tăng từ 4 lên 19, với tổng quy mô tín dụng ưu đãi trên 407.000 tỷ đồng, so với 220.000 tỷ đồng ban đầu; lãi suất thấp hơn tối thiểu 1%/năm, một số chương trình thấp hơn 1-2%/năm. NHNN định hướng đẩy mạnh đánh giá tín dụng theo hướng từng bước giảm phụ thuộc tài sản bảo đảm.

Kiểm toán Nhà nước đề nghị tăng vốn chủ sở hữu, giảm tỷ lệ vốn tín dụng 80-85% trong dự án bất động sản nhằm hạ chi phí tài chính và giá nhà. Hiện luật yêu cầu vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% với dự án dưới 20 ha và 15% với dự án từ 20 ha. Bộ Xây dựng chưa tiếp thu, giữ quy định hiện hành. Hiệp hội Ngân hàng đề nghị quy định rõ giới hạn dư nợ tín dụng, trái phiếu/vốn chủ sở hữu.

TCB: Ngày 15/9/2026, Techcombank (TCB) thông qua phương án tăng vốn điều lệ gồm phát hành cổ phiếu trả cổ tức và ESOP. Ngân hàng dự kiến phát hành khoảng 3,54 tỷ cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 50%, sử dụng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối năm 2025. Đồng thời, TCB phát hành 29,98 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cp, tương đương hơn 0,28% số cổ phiếu, trong đó 6,53 triệu cp dành cho lao động nước ngoài. Cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm. Sau các đợt phát hành, vốn điều lệ dự kiến tăng từ 70.862 tỷ lên 106.593 tỷ đồng. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được duy trì ở 22,5386%, với cơ chế điều chỉnh nếu phát sinh vượt trần do làm tròn hoặc phân bổ ESOP.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINIDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINIDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINIDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04+05+06.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINIDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 - 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 *(*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINIDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINIDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 - 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 07.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026 *(*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINIDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4.15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		-4,39%

Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026 *(*) SSI và MBB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	10/08/2026	73.000	04/09/2026	73.100	0,14%	71.200-75.900	
CTG	10/08/2026	32.800	04/09/2026	31.400	-4,27%	30.900-32.800	
POW	10/08/2026	13.850	04/09/2026	12.850	-7,22%	12.800-13.900	
SSI*	**10/08/2026**	**25.100**	**04/09/2026**	**21.050**	**4,42%**	**19.400-21.750**	
VPB	10/08/2026	25.850	04/09/2026	27.800	7,54%	24.500-27.900	
GMD	10/08/2026	78.200	04/09/2026	77.400	-1,02%	76.400-81.300	
MBB*	**10/08/2026**	**24.250**	**04/09/2026**	**20.550**	**1,73%**	**19.850-21.200**	
BMP	10/08/2026	148.800	04/09/2026	143.000	-3,90%	142.800-150.900	
VNINIDEX	10/08/2026	1.776,8	04/09/2026	1.853,1	4,29%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-0,32%		

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

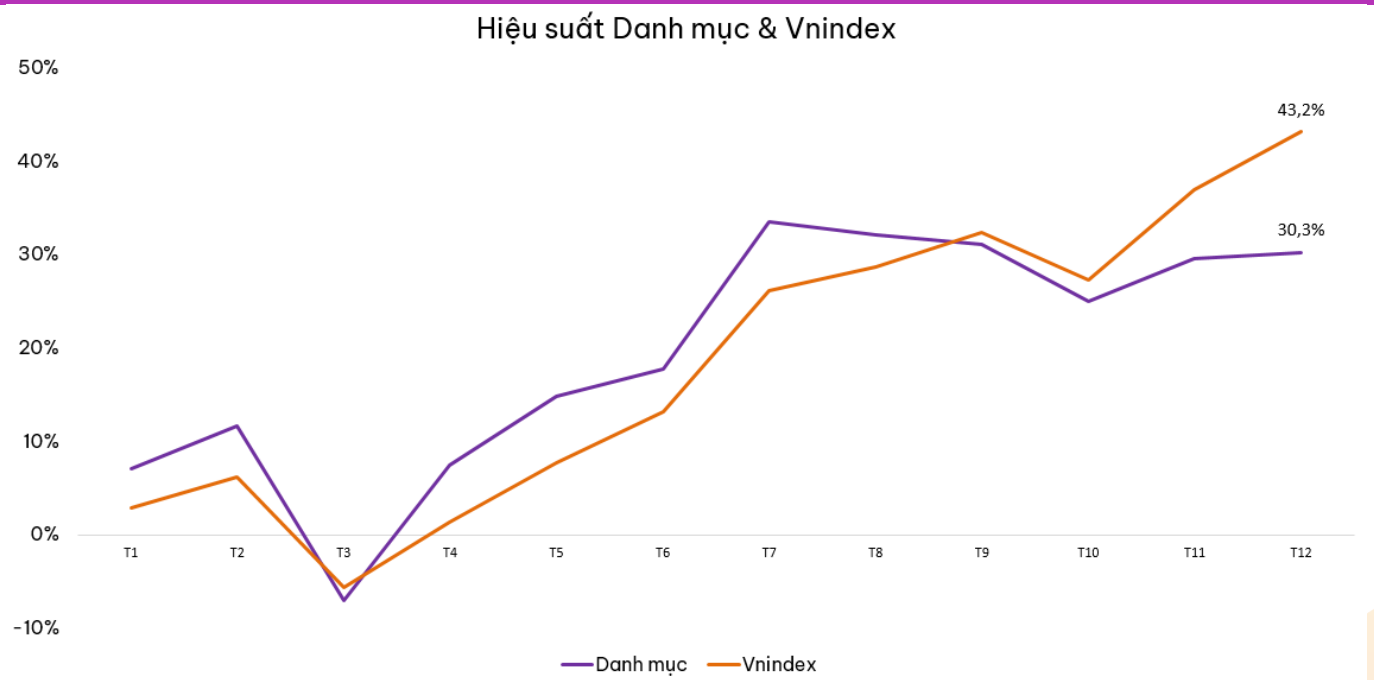

(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt số tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

Danh sách khuyến nghị tháng 1 (13/01)

Danh sách khuyến nghị tháng 2 (07/02)

Danh sách khuyến nghị tháng 3 (07/03)

Danh sách khuyến nghị tháng 4 (09/04)

Danh sách khuyến nghị tháng 5 (07/05)

Danh sách khuyến nghị tháng 6 (06/06)

Danh sách khuyến nghị tháng 7 (07/07)

Danh sách khuyến nghị tháng 8 (08/08)

Danh sách khuyến nghị tháng 9 (08/09)

Danh sách khuyến nghị tháng 10 (07/10)

Danh sách khuyến nghị tháng 11 (07/11)

Danh sách khuyến nghị tháng 12 (08/12)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khóan gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.